

DANH SÁCH SINH VIÊN HỌC LẠI, HỌC CẢI THIỆN, HỌC VƯỢT
Học kỳ: II, Năm học: 2017-2018

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	Điểm QHTT	Điểm thi	Điểm HP
1	K47 HDDL	Hồ Đắc Trí	15/09/1992	Hệ thống tuyển điểm DL	9.3	8.0	8.4
2	K48 HDDL	Trần Thị Huyền Trang	06/11/1996	Hệ thống tuyển điểm DL	8.7	7.5	7.9
3	K47 QLLH	Hồ Thị Ái Như	14/07/1995	Hệ thống tuyển điểm DL	0.0	0.0	0.0
4	K48 HDDL	Lê Thị Minh Nguyệt	03/01/1996	Kỹ năng giao tiếp	8.5	8.5	8.5
5	K46 KTDL	Trần Minh Chung	10/09/1994	Kinh tế môi trường	0.0	0.0	0.0
6	K49 HDDL	Nguyễn Quang Huy	20/01/1997	Kinh tế vi mô	8.7	8.0	8.2
7	K50 HDDL2	Đỗ Đăng Lực	16/11/1998	Kinh tế vi mô	8.0	7.2	7.4
8	K48 TMDT	Hoàng Thanh Long	16/01/1992	Kinh tế vi mô	2.3	5.4	4.5
9	K48 HDDL	Lương Đức Hiếu	30/05/1996	NNLCB CNMLN2	0.0	5.5	3.3
10	K49 HDDL	Đoàn Thị Lý	20/04/1997	NNLCB CNMLN2	0.0	6.0	3.6
11	K50 HDDL2	Đỗ Đăng Lực	16/11/1998	NNLCB CNMLN2	4.1	4.0	4.0
12	K48 TMDT	Hoàng Thanh Long	16/01/1992	NNLCB CNMLN2	5.8	3.0	4.1
13	K48 TMDT	Lê Nguyễn Phương Nhi	18/11/1996	NNLCB CNMLN2	6.8	3.0	4.5
14	K49 QHCC	Bùi Xuân Việt	11/12/1997	Marketing dịch vụ	10.0	6.5	7.6
15	K47 TMDT	Nguyễn Minh Hùng	01/02/1995	Mạng máy tính &I	8.4	4.0	5.8
16	K48 HDDL	Lương Đức Hiếu	30/05/1996	Nguyên lý TKKT	7.0	6.8	6.9
17	K47 TMDT	Nguyễn Minh Hùng	01/02/1995	Nhập môn du lịch điện tử	7.6	0.5	3.3
18	K49 QHCC	Lê Thị Hồng Hạnh	19/08/1997	Nhập môn QHCC	8.3	8.0	8.1
19	K49 QHCC	Bùi Thị Như Ngọc	30/10/1997	Nhập môn QHCC	8.5	8.0	8.2
20	K49 QHCC	Nguyễn Thị Thùy Trang	20/07/1997	Nhập môn QHCC	8.1	8.0	8.0
21	K49 QHCC	Võ Thiện Tuấn	05/01/1997	Nhập môn QHCC	6.8	8.0	7.5
22	K49 QTKD	Nguyễn Quỳnh Ân	06/12/1997	Nhập môn QHCC	8.5	8.0	8.2
23	K49 QTKD	Lê Thị Kim Phụng	18/04/1997	Nhập môn QHCC	8.9	8.0	8.4
24	K49 TTMKT	Lê Thị Kim Tuyền	15/05/1997	Nhập môn QHCC	6.8	8.0	7.5
25	K48 TMDT	Nguyễn Thị Sen	05/06/1996	Nhập môn QHCC	7.8	7.0	7.3
26	K47 TMDT	Nguyễn Gia Toàn	07/01/1995	Nhập môn QHCC	8.5	7.0	7.6
27	K48 TMDT	Nguyễn Minh Tuấn	05/07/1996	Nhập môn QHCC	8.0	7.0	7.4
28	K46 KTDL	Trần Minh Chung	10/09/1994	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	3.0	0.0	0.9
29	K48 HDDL	Lương Đức Hiếu	30/05/1996	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	7.3	0.5	2.5
30	K47 QLLH	Hồ Thị Ái Như	14/07/1995	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	8.0	4.0	5.2
31	K48 QHCC	Hồ Lê Trí Trung	19/05/1996	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	8.0	0.0	2.4
32	K49 TCSK	Nguyễn Thị Kim Ánh	13/05/1997	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	5.3	4.8	5.0
33	K49 TCSK	Lê Thị Thu Hường	10/05/1997	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	7.3	5.5	6.0
34	K49 TCSK	Nguyễn Thị Thùy Trang	08/09/1997	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	6.7	6.0	6.2
35	K48 TMDT	Hoàng Thanh Long	16/01/1992	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	0.0	7.2	5.0
36	K49 TMDT	Trương Thị Trinh	19/02/1997	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	5.7	4.6	4.9
37	K48 HDDL	Nguyễn Hồng Phương	15/12/1996	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	8.0	7.0	7.3
38	K49 LH3	Lê Thị Thảo	06/11/1996	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	8.0	3.8	5.1
39	K49 QLLH3	Nguyễn Thị Thanh	19/07/1996	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	9.0	5.3	6.4
40	K48 HDDL	Lương Đức Hiếu	30/05/1996	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	8.0	6.5	7.0
41	K47 QLLH	Hồ Thị Ái Như	14/07/1995	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	8.0	0.0	2.4
42	K48 HDDL QT	Ngô Anh Minh	30/10/1994	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	8.0	6.8	7.2

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	Điểm QHTT	Điểm thi	Điểm HP
43	K48 HDDL QT	Trần Thị Minh	Nhi	28/06/1996	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	8.0	4.7	5.7
44	K48 HDDL QT	Lê Thị Huyền	Trang	09/12/1996	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	8.0	5.8	6.5
45	K48 HDDL QT	Mai Thị Huyền	Trang	06/10/1995	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	8.0	6.0	6.6
46	K47 QLLH	Hồ Thị Ái	Như	14/07/1995	Ngoại ngữ chuyên ngành 3	0.0	0.0	0.0
47	K47 TMDT	Lê Đức Bảo	Ngọc	01/02/1995	Pháp luật đại cương	0.0	4.0	2.8
48	K50 QHCC	Trần Thị Phương	Nhung	25/05/1998	Pháp luật đại cương	8.3	6.0	6.7
49	K48 QHCC	Hồ Lê Trí	Trung	19/05/1996	Pháp luật đại cương	0.0	0.0	0.0
50	K49 QLLH1	Nguyễn Thị Mê	Lin	01/10/1997	Pháp luật đại cương	8.3	5.0	6.0
51	K50 HDDL2	Đỗ Đăng	Lực	16/11/1998	Pháp luật đại cương	8.3	7.0	7.4
52	K50 QLLH1	Bùi Thị Thùy	Trang	25/05/1998	Pháp luật đại cương	8.3	6.0	6.7
53	K48 TMDT	Hoàng Thanh	Long	16/01/1992	Pháp luật đại cương	8.3	7.0	7.4
54	K48 TMDT	Lê Nguyễn Phương	Nhi	18/11/1996	Pháp luật đại cương	0.0	7.0	4.9
55	K49 HDDL	Nguyễn Trần Xuân	Hương	05/03/1997	Pháp luật đại cương	8.3	4.0	5.3
56	K49 QLLH1	Phan Thị Thục	Nguyễn	07/09/1997	Pháp luật đại cương	8.3	7.0	7.4
57	K49 QLLH1	Trần Thị	Ni	06/08/1997	Pháp luật đại cương	8.3	7.0	7.4
58	K48QHCC	Phan Ngọc Quỳnh	Như	26/01/1996	Quan hệ báo giới	0.0	5.0	3.5
59	K48QHCC	Phan Ngọc Quỳnh	Như	26/01/1996	QLHTTTTDL	8.0	5.2	6.3
60	K48 QHCC	Hồ Thị Xuân	Dung	15/04/1996	Quản trị bán hàng	8.5	5.5	6.7
61	K48 QHCC	Khương Quốc	Hung	22/01/1995	Quản trị bán hàng	8.5	3.5	5.5
62	K48 QHCC	Phan Ngọc Quỳnh	Như	26/01/1996	Quản trị bán hàng	8.5	5.0	6.4
63	K48 QHCC	Phan Ngọc Quỳnh	Như	26/01/1996	L&QTCL QHCC	7.3	7.5	7.4
64	K49 QLLH3	Hồ Thanh	Thanh	01/11/1996	Quản trị học	7.3	5.5	6.0
65	K48 HDDL	Trần Thị Huyền	Trang	06/11/1996	Quản trị học	0.0	4.0	2.8
66	K47 QLLH	Hồ Thị Ái	Như	14/07/1995	Quản trị học	0.0	6.0	4.2
67	K48 QHCC	Phan Ngọc Quỳnh	Như	26/01/1996	Quản trị thương hiệu	9.3	4.0	6.1
68	K48 TTMKT	Văn Khánh	Linh	01/09/1995	Quản trị thương hiệu	0.0	0.0	0.0
69	K49HDDL	Trần Thị Ngọc	Ánh	09/11/1997	Toán C2	7.0	5.0	5.6
70	K49HDDL	Trương Thị Tuyết	Băng	22/09/1997	Toán C2	6.0	5.0	5.3
71	K49HDDL	Lê Quang	Chung		Toán C2	6.7	5.0	5.5
72	K49HDDL	Vô Thị Mỹ	Duyên	05/10/1997	Toán C2	7.0	5.0	5.6
73	K49HDDL	Nguyễn Văn Tấn	Hải	08/12/1997	Toán C2	6.7	4.0	4.8
74	K49HDDL	Nguyễn Thị Phương	Hoa	07/01/1996	Toán C2	6.7	5.0	5.5
75	K49HDDL	Đặng Thị Thu	Sương	20/07/1997	Toán C2	6.0	4.0	4.6
76	K49HDDL	Phùng Thị Thanh	Tâm	11/12/1996	Toán C2	7.0	5.0	5.6
77	K49HDDL	Nguyễn Thị Phương	Thào	08/04/1997	Toán C2	7.0	5.0	5.6
78	K49HDDL	Hoàng Trọng	Thủy	08/04/1997	Toán C2	7.7	5.0	5.8
79	K48 TMDT	Lê Nguyễn Phương	Nhi	18/11/1996	Thiết kế Web	8.0	7.5	7.7
80	K48 TMDT	Hoàng Thanh	Long	16/01/1992	Tâm lý du khách	0.0	6.5	4.6
81	K48 HDDL	Trần Thị Huyền	Trang	06/11/1996	Tổng quan du lịch	7.7	7.5	7.6
82	K47 QLLH	Hồ Thị Ái	Như	14/07/1995	Tổng quan du lịch	3.0	1.5	2.0
83	K49 QLLH3	Nguyễn Thị	Thanh	19/07/1996	Tổng quan du lịch	9.5	9.0	9.2
84	K48 TMDT	Nguyễn Minh	Tuấn	05/07/1996	Tổng quan du lịch	9.3	7.5	8.0
85	K48 QLLH1	Huỳnh Thị Tây	Thi	10/04/1996	Văn hóa & DL	9.3	7.0	7.7
86	K47 QLLH	Hồ Thị Ái	Như	14/07/1995	Văn hóa & DL	0.0	7.0	4.9
87	K47 QLLH	Hồ Thị Ái	Như	14/07/1995	Văn hóa CDTTS	0.0	0.0	0.0
88	QT	Ngô Anh	Minh		Văn hóa CDTTS	8.7	6.5	7.1

STT	LỚP THEO HỌC	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	HỌC PHẦN ĐĂNG KÍ	Điểm QHTT	Điểm thi	Điểm HP
89	K47 QLLH	Hoàng Nguyễn Ngọc	Diệp	30/03/1995	Văn hóa học	8.7	7.5	7.9
90	K48 HDDL	Lê Công Bá	Thiện	02/01/1996	Văn hóa học	8.0	7.5	7.7
91	K48 QLLH2	Lê Thị Nhã	Uyên	27/08/1996	Văn hóa học	8.0	8.0	8.0
92	K48 QLLH2	Lê Thị Tường	Vân	10/01/1996	Văn hóa học	8.0	8.0	8.0
93	K48 HDDL	Trần Thị Huyền	Trang	06/11/1996	Văn hóa học	8.0	7.0	7.3
94	K49 HDDL	Lê Quang	Khải	23/02/1996	Văn hóa học	8.0	8.0	8.0
95	K48 TMDT	Lê Hiếu Vũ	Long	20/03/1996	Văn hóa học	8.7	7.0	7.5
96	K47 QLLH	Hồ Thị Ái	Như	14/07/1995	Văn hóa học	0.0	0.0	0.0
97	K48 TMDT	Hoàng Thanh	Long	16/01/1992	Tâm lý đại cương	9.0	7.5	8.0
98	K48 HDDL	Lê Thị Minh	Nguyệt	03/01/1996	Xác suất thống kê	7.3	0.5	2.5
99	K46 KTDL	Trần Minh	Chung	10/09/1994	Xác suất thống kê	5.3	0.0	1.6
100	K48 HDDL	Lương Đức	Hiếu	30/05/1996	Xác suất thống kê	7.7	7.0	7.2
101	K49 HDDL	Thái Quang	Khanh	12/12/1997	Xác suất thống kê	8.3	8.0	8.1
102	K49 HDDL	Trần Thị	Liễu	02/02/1997	Xác suất thống kê	7.7	6.5	6.9
103	K49 HDDL	Lê Thị Mỹ	Linh	24/03/1997	Xác suất thống kê	8.3	6.0	6.7
104	K49 HDDL	Đoàn Thị	Lý	20/04/1997	Xác suất thống kê	8.3	5.0	6.0
105	K49 HDDL	Nguyễn Văn	Tuấn	18/03/1997	Xác suất thống kê	8.3	5.5	6.3
106	K49 LH3	Lê Thị	Thảo	06/11/1996	Xác suất thống kê	7.0	7.5	7.4
107	K49 QHCC	Nguyễn Thị Thùy	Trang	20/07/1997	Xác suất thống kê	7.0	6.0	6.3
108	K49 TTMKT	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	01/03/1997	Xác suất thống kê	7.0	7.5	7.4
109	K48 TMDT	Lê Hiếu Vũ	Long	20/03/1996	Xác suất thống kê	0.0	4.5	3.2
110	K49 HDDL	Nguyễn Quang	Huy	20/01/1997	Xác suất thống kê	8.7	3.0	4.7
111	K50 HDDL2	Đỗ Đăng	Lực	16/11/1998	Xác suất thống kê	8.3	6.0	6.7
112	K48 KTDL	Trần Hoàng	Ngân	14/07/1996	Xác suất thống kê	7.3	2.0	3.6
113	K48 KTDL	Nguyễn Thị Ái	Quỳnh	24/02/1996	Xác suất thống kê	7.3	1.0	2.9
114	K48 KTDL	Mai Trúc	Sơn	02/01/1996	Xác suất thống kê	7.3	3.5	4.6
115	K48 TMDT	Lê Nguyễn Phương	Nhi	18/11/1996	Xác suất thống kê	7.3	1.0	2.9
116	K47 HDDL	Đào Xuân	Sơn	14/05/1995	Xác suất thống kê	6.3	7.0	6.8
117	K49 QLLH1	Đặng	Hương	20/01/1997	Xác suất thống kê	5.3	0.0	1.6
118	K49 QTKD	Lê Hải Vân	Anh	30/10/1997	Xác suất thống kê	8.7	0.0	2.6
119	K49 QTKD	Hoàng Thị Tố	Uyên	27/12/1997	Xác suất thống kê	8.7	0.0	2.6
120	K48 TTMKT	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	02/12/1996	Xác suất thống kê	9.3	0.0	2.8
121	K47 TMDT	Nguyễn Minh	Hùng	01/02/1995	Tư tưởng Hồ Chí Minh	9.3	2.0	4.9
122	K50 QLLH2	Nguyễn Thị Trinh	Nữ	13/08/1998	Tư tưởng Hồ Chí Minh	9.3	5.0	6.7
123	K50 QHCC	Trần Thị Phương	Nhung	25/05/1998	Tư tưởng Hồ Chí Minh	9.3	1.0	4.3
124	K50 HDDL2	Đỗ Đăng	Lực	16/11/1998	Tư tưởng Hồ Chí Minh	9.3	6.0	7.3
125	K48 TMDT	Hoàng Thanh	Long	16/01/1992	Tư tưởng Hồ Chí Minh	9.3	5.0	6.7
126	K49 QLLH1	Đặng	Hương	20/01/1997	Tư tưởng Hồ Chí Minh	9.3	3.0	5.5
127	K49 QLLH1	Nguyễn Thị Mê	Lin	01/10/1997	Tư tưởng Hồ Chí Minh	9.3	3.0	5.5
128	K49 QLLH1	Lê Văn	Long	02/01/1996	Tư tưởng Hồ Chí Minh	9.3	5.0	6.7
129	K49 QLLH1	Phan Thị Thục	Nguyên	07/09/1997	Tư tưởng Hồ Chí Minh	9.3	3.0	5.5
130	K49 QLLH1	Trần Thị	Ni	06/08/1997	Tư tưởng Hồ Chí Minh	9.3	5.0	6.7
131		Trương Quốc	Bình	18/01/1995	Tư tưởng Hồ Chí Minh	9.3	0.0	3.7
132	K48 TMDT	Lê Hiếu Vũ	Long	20/03/1996	Khoa học môi trường	0.0	0.0	0.0
133	K49 QTKD	Lại Thị Giao	Quỳnh	12/05/1997	Khoa học môi trường	8.7	7.0	7.5